

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Danh
2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

HKTT: đường 30/4, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Mỹ Cẩm T1, sinh năm 1970.

HKTT: đường 30/4, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-8-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà T1 tự nguyện chung sống năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 quyển số 01/2009 ngày 09/11/2009), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Nguyên nhân từ những vấn đề về kinh tế lo cho cuộc sống gia đình không có sự chia sẻ, thường xuyên gây sự với nhau mà cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, làm ảnh hưởng cuộc sống của cả hai bên. Đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên can thiệp nhưng không giải quyết được mâu thuẫn.

Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể hòa giải được, chung sống không còn hạnh phúc nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T1.

Về nuôi con chung: Ông T xác nhận ông và bà T1 01 con chung tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 28/02/2011. Ly hôn ông T yêu cầu bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/10/2022, bị đơn bà Lê Mỹ Cẩm T1 trình bày:

Bà T1 và ông T tự nguyện chung sống năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 quyển số 01/2009 ngày 09/11/2009), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn nên ông T bỏ nhà đi không sống cùng mẹ con bà T1 từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính nhau, ông T thường xuyên vô cớ mắng chửi bà T1. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà T1 không đồng ý do vẫn còn tình cảm với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 28/02/2011. Bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà Lê Mỹ Cẩm T1 nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn bà Lê Mỹ Cẩm T1 hiện đang cư trú tại huyện Long Điền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T1 và ông T tự nguyện chung sống năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 quyền số 01/2009 ngày 09/11/2009), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Theo trình bày của ông T mâu thuẫn phát sinh từ năm 2014 cho đến nay. Nguyên nhân từ những vấn đề về kinh tế lo cho cuộc sống gia đình không có sự chia sẻ, thường xuyên gây sự với nhau mà cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, làm ảnh hưởng cuộc sống của cả hai bên.

Theo lời trình bày của bà T1 thì từ tháng 5/2022 mới phát sinh mâu thuẫn và ông T bỏ nhà đi không sống cùng mẹ con bà T1 từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính nhau, ông T thường xuyên vô cớ mắng chửi bà T1.

Từ trình bày của nguyên đơn và bị đơn cho thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà T1.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông T và bà T1 có 01 con chung tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 28/02/2011. Ông T yêu cầu bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; bà T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ khi ông T và bà T1 không sống cùng nhau cháu T2 vẫn ở với mẹ, được mẹ nuôi dưỡng, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông T và bà T1, giao cháu T2 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T1 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Ông T và bà T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn T ly hôn bà Lê Mỹ Cẩm T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Văn T2, sinh ngày

28/02/2011 cho bà Lê Mỹ Cẩm T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Bà T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009052, ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND xã X, H. C, Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình

